

BỨC TRANH KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

LÊ XUÂN ĐÌNH

Trong lịch sử phát triển kinh tế quốc dân, thời kỳ nào vai trò của hộ gia đình cũng rất quan trọng, vì nó không những là “tế bào” của xã hội, là đơn vị sản xuất và bảo đảm cuộc sống cho tất cả các thành viên trong gia đình, mà còn là chủ thể tiêu dùng rất đa dạng của nền kinh tế. Nhưng trước xu thế quốc tế hóa nền kinh tế đang diễn ra nhanh chóng hiện nay, phải nhận rõ những khó khăn để có thêm những chính sách có tính chất đột phá nhằm tạo động lực mới, thật sự mạnh mẽ cho kinh tế hộ phát triển.

1 - Đổi mới vị trí, vai trò của kinh tế hộ

Trong thời kỳ chiến tranh, hộ gia đình Việt Nam vừa cung cấp nguồn nhân lực, vừa là nguồn của cải vật chất (chưa nói tới tinh thần) cho cuộc chiến, đồng thời lại là nơi sản xuất vật chất để bảo đảm cuộc sống không những cho gia đình (chỉ với 5% quỹ đất canh tác được chia cho các hộ gia đình làm kinh tế vườn theo lối tự túc, tự cấp), mà còn đóng vai trò là hậu phương lớn miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam (trên cơ sở phát triển hợp tác xã theo kiểu cũ).

Vai trò của kinh tế hộ có nhiều thay đổi cả về phương thức quản lý lẫn lao động sản xuất, nhất là kể từ khi phong trào hợp tác xã mất dần động lực phát triển. Mốc quan trọng của sự

thay đổi đó là sự ra đời của Chỉ thị 100, ngày 31-1-1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã. Tiếp theo đó, Nghị quyết 10, ngày 5-4-1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý nông nghiệp đã tạo cơ sở quan trọng để kinh tế hộ nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ trong nông nghiệp. Ngoài ra, đối với khu vực nông, lâm trường, nhờ có Nghị định số 12/NĐ-CP, ngày 3-2-1993 về sắp xếp tổ chức và đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước, các nông, lâm trường đã từng bước tách chức năng quản lý nhà nước đối với quản lý sản xuất, kinh doanh, các gia đình nông, lâm trường viên cũng được nhận đất khoán và hoạt động dưới hình thức kinh tế hộ. Tuy những đặc điểm truyền thống của kinh tế hộ vẫn không thay

đổi, nhưng việc được giao quyền sử dụng đất lâu dài đã làm cho hộ gia đình trở thành đơn vị sản xuất, kinh doanh tự chủ, tự quản. Động lực mới cho sự phát triển kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn đã xuất hiện.

2 - Những kết quả tích cực bước đầu

Chủ trương, chính sách về giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho kinh tế hộ (đất nông nghiệp 20 năm, đất lâm nghiệp 50 năm) đã nhanh chóng đi vào cuộc sống của hàng triệu hộ nông dân. Và mặc dầu phong trào hợp tác xã không còn phát huy tính tích cực như xưa, nhưng diện mạo của kinh tế hộ nông dân Việt Nam đã thay đổi một cách cơ bản, nhất là ngày càng có nhiều đóng góp cho việc giải phóng sức sản xuất, nâng cao sản lượng nông nghiệp, mở mang ngành nghề mới, nâng cao thu nhập. Theo số liệu điều tra, trên 74,5% số hộ đã có từ 2 - 4 loại hình hoạt động sản xuất, kinh doanh để tạo thu nhập⁽¹⁾.

Cơ cấu hộ nông dân theo ngành nghề đang chuyển dịch theo hướng tăng dần số lượng và tỷ trọng nhóm các hộ tham gia sản xuất phi nông nghiệp, như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; số hộ làm nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 80,9% năm 2001 xuống còn 70,9% năm 2006. Các nghiên cứu đều cho thấy, giai đoạn 2001 - 2006 tốc độ chuyển dịch ấy đã diễn ra nhanh hơn trước. Nếu thời gian này GDP nông nghiệp đóng góp 20,23% vào cơ cấu kinh tế, nhưng là nền tảng của sự ổn định chính trị - xã hội vì chúng ta có tới trên 70% dân số sống tại nông thôn, thì trong số đó, đã có tới 40% dân số nông thôn có nguồn thu từ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Đây là một động thái tích cực.

Trong bản thân lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, số hộ sản xuất thuần túy

nông nghiệp giảm dần, trong lúc số hộ tham gia sản xuất lâm nghiệp, thủy sản tăng lên. Tuy vậy, tính đến năm 2006, số lượng và tỷ trọng các hộ trong lĩnh vực thủy sản (chiếm 6,2%), lâm nghiệp (chiếm 0,3%) vẫn bị đánh giá là còn quá thấp, chưa tương xứng với tiềm năng thực tế.

Một động thái tích cực rất đáng được lưu ý của kinh tế hộ nông dân là sự xuất hiện ngày càng nhiều các hộ bắt phá khỏi tình trạng tự cung, tự cấp vươn lên sản xuất hàng hóa, trong đó phương thức trang trại gia đình phát triển mạnh và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Trong bản thân kinh tế hộ trang trại cũng có sự phát triển về chất, xuất hiện nhiều nhu cầu đầu tư vốn lớn, thuê đất canh tác và lao động thường xuyên hoặc theo thời vụ, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu cây, con theo hướng đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu thị trường. Chẳng hạn, trang trại chăn nuôi tăng rất nhanh, bên cạnh số trang trại sản xuất cây hàng năm và cây lâu năm cũng có sự phát triển về số lượng và chất lượng. Lượng hàng hóa nông sản của các trang trại đang ngày càng có vị trí trên thương trường. Một số các trang trại lớn đã bắt đầu phát triển thương hiệu, mở rộng các quan hệ làm ăn với các công ty lớn trong chế biến, thu mua và xuất khẩu.

Khi nhắc tới những thành tựu chung của kinh tế đất nước như giữ được vị thứ hai thế giới về xuất khẩu gạo (tính đến năm 2007), đứng đầu về xuất khẩu cà phê rô-bu-sta và hạt

(1) Bài có sử dụng số liệu điều tra của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương năm 2005

tiêu, một trong 10 nước hàng đầu về thủy sản..., thì phải nói, kinh tế hộ nông nghiệp trong nông thôn đã đóng vai trò chính trong việc tạo ra lượng hàng hóa lớn để phục vụ xuất khẩu. Trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng, đã có 5 mặt hàng đã đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỉ USD. Đó là thủy sản (3,8 tỉ USD), gỗ (2,4 tỉ USD), cà phê (1,86 tỉ USD), gạo (1,46 tỉ USD), cao su (1,4 tỉ USD).

3 - Khó khăn và thách thức trong thời gian tới

- Khó khăn và thách thức lớn đối với nông dân nước ta nói chung và kinh tế hộ nói riêng trong tiến trình hội nhập ngày một sâu vào kinh tế thế giới là *chênh lệch lớn về năng suất lao động giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp*. Đây là một trong số các nguyên nhân chính đang làm tăng thêm khoảng cách cả thu nhập lẫn mức chi tiêu giữa nông thôn và thành thị... Thêm vào đó, tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn tuy đã giảm mạnh, tới hơn một nửa trong khoảng thời gian 10 năm, năm 1993 - 2004, từ 66,4% xuống còn 25%. Hai năm gần đây, tỷ lệ hộ nghèo của cả nước đã giảm từ 15,47% năm 2006 xuống còn 14,75% năm 2007, vượt kế hoạch đề ra (16%). Nhưng trong nông thôn, cá biệt một số tỉnh miền núi, tại những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người, số hộ nghèo vẫn còn chiếm tỷ trọng cao: ở Lai Châu hiện nay là 55,32%; Điện Biên 40,77%; Hà Giang 39,44% và Bắc Kạn 37,8%. Dù khu vực nông thôn chiếm tới 90% số hộ thuộc diện nghèo của cả nước, nhưng tốc độ giảm nghèo ở nông thôn vẫn chậm hơn thành thị tới 20%. Tính bền vững trong các trường hợp thoát đói nghèo trong nông nghiệp, nông thôn không chắc chắn, do thiên tai, dịch bệnh, ốm đau... Điểm xuất phát thấp, tốc độ phát triển chậm, rủi ro lớn, thì

khoảng cách khó có thể rút ngắn nếu không có những giải pháp mang tính đột phá.

Nếu chia toàn bộ dân số ra 5 nhóm bằng nhau về số người và theo các mức thu nhập từ thấp đến cao để so sánh chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% dân số giàu nhất với nhóm 20% dân số có mức thu nhập thấp nhất, thì năm 1994, chênh lệch giữa nhóm giàu và nghèo là 6,50 lần, đến năm 2006 đã tăng lên 8,34 lần. Nhưng nếu nhóm dân số càng nhỏ lại, 10%, hay 5%, thì sự chênh lệch thu nhập giữa nhóm giàu và nhóm nghèo lại càng tăng lên đáng kinh ngạc. Theo một cách suy luận khác, chênh lệch giàu nghèo là rất lớn khi đang tồn tại nghịch lý ở Việt Nam, rằng thu nhập GDP đầu người còn rất thấp, nhưng giá nhà, đất lại cao, ngang với cả những nước có thu nhập GDP cao gấp hàng chục lần.

- *Hộ nông dân thường rất dễ bị tổn thương trước sự chi phối khắc nghiệt của quy luật thị trường*. Cơ hội kiếm tiền đến với người có vốn, có điều kiện về thông tin, và kể cả điểm xuất phát cao, sẽ nhiều hơn rất đáng kể so với các đối tượng khác, nhất là người nghèo. Về nguyên lý, thị trường dường như mang lại cơ hội cho tất cả mọi người, nhưng không phải mọi người đều có đủ khả năng như nhau để tận dụng cơ hội đó. Người nắm thông tin, người nhiều vốn, người lanh lợi và phải có chút "tinh quái" mới tận dụng cơ hội tốt hơn và do đó giàu lên nhanh hơn. Không ít người lợi dụng quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước những năm gần đây nắm giữ nhiều cổ phiếu; hay những người biết trước thông tin về quy hoạch nên đầu cơ được những khu đất đắc địa..., từ đó càng có điều kiện thu vén những nguồn lợi từ các cơ hội tốt, lại càng có điều kiện tích lũy làm giàu - giàu sẽ dễ giàu thêm hơn, nghèo thì thua thiệt và dễ nghèo đi.

Nhiều hộ nông dân đang rơi vào cảnh thua thiệt trước "vòng xoáy" của các quy luật thị trường, nhất là ở những nơi hợp tác xã không còn tồn tại, chính quyền cơ sở lại yếu kém, thì không biết dựa vào đâu? Bởi vậy, sự nghiệt ngã của tình cảnh "nghèo thì nghèo thêm, giàu thì giàu nhanh hơn" đang là tác nhân chính khoét sâu thêm hố ngăn cách giàu nghèo giữa người giàu và người nghèo, giữa nông thôn và thành thị. Đây là nguyên nhân chính của hiện tượng số người tự do di cư ra thành thị kiếm việc làm đang tăng lên. Họ luôn trong tâm lý lo sợ rủi ro, bởi vậy, tư duy "ăn chắc, mặc bền" vẫn là phổ biến, có đồng nào đổ vào "xây nhà xây cửa" chấp vá, coi nói một cách manh mún và rất tốn kém.

Người nông dân bị thu hồi đất cho công nghiệp hóa, hay đô thị hóa cũng rơi vào tình trạng tư liệu sản xuất bị mất hoặc giảm đi, trong lúc chưa chuẩn bị kịp các điều kiện để chuyển đổi nghề nghiệp. Phần đông nông dân có tiền (tiền đền bù do bị thu hồi đất) cũng khó tìm phương án nào cho hiệu quả để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh làm cho nó sinh sôi nảy nở.

- Vốn tích lũy của các hộ gia đình cũng có sự phân biệt khá rõ giữa các loại hình sản xuất. Theo số liệu của tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn năm 2006 của Tổng cục Thống kê, tính đến giữa năm 2006 vốn tích lũy bình quân một hộ nông thôn là 6,7 triệu đồng, tăng gấp 2,1 lần so với thời điểm tháng 10 năm 2001. Nhưng vốn tích lũy của các hộ sản xuất phi nông nghiệp vẫn vượt lên cao hơn các hộ thuần nông. Hộ vận tải tích lũy bình quân là 14,9 triệu đồng, hộ thương nghiệp là 12,1 triệu đồng, hộ thủy sản là 11,3 triệu đồng, trong khi

đó hộ nông nghiệp thuần chỉ tích lũy dưới 4,8 triệu đồng. Lý do chính của việc tiết kiệm tiền trong phần đông các hộ gia đình nông thôn⁽²⁾ không phải là để tích lũy mở rộng sản xuất, mà 82% số người được hỏi trả lời là để chi trả khám và chữa bệnh khi cần thiết và 70% trả lời là để đề phòng các nhu cầu chi tiêu đột xuất khác, chỉ 6% mong đợi lợi nhuận hay lãi suất.

- Trong kinh tế thị trường, việc tìm ra cây gì, con gì để cho sản xuất hàng hóa lớn đã khó, thì việc tiếp cận đầu vào và đầu ra cho sản xuất nông nghiệp mấy năm gần đây cũng đang khó khăn không kém. Đã thế, thị trường đầu vào của sản xuất nông nghiệp biến động rất bất lợi cho các hộ nông dân, giá lên cao liên tục, giao thông khó khăn, vốn ít nên khó khăn trong việc mua giá thấp với khối lượng lớn (mua buôn), mua lẻ thì giá lại rất cao, thiếu những nhà cung cấp tin cậy và ổn định, và còn thiếu cả thông tin để có cơ hội lựa chọn phương án tối ưu.

- Khó khăn trong khâu sơ chế và chế biến sau thu hoạch cũng là một cản trở lớn đối với kinh tế hộ nông dân. Phần lớn các hộ nông dân đều thiếu kỹ thuật và khả năng sơ chế nông sản sau thu hoạch, thiếu thông tin thị trường, chi phí giao dịch cao... Nên phần lớn nông sản chưa nâng được thêm giá trị kinh tế đáng kể trong các khâu tiếp theo của quy trình sản xuất đến tay người tiêu dùng, kể cả mẫu mã, tiếp thị và tiêu thụ, xuất khẩu.

- Nhiều hộ nông dân đang rất cần đến những sự trợ giúp có tính chất cộng đồng, hiệp hội ngành hàng hay hợp tác trong các khâu, nhất là đầu vào và đầu ra của sản xuất, nhưng các hợp tác xã (HTX) hiện nay trong nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng đầy đủ, do

(2) Số liệu điều tra, sđd

chưa hoạt động thật hiệu quả và thiết thực. Theo số liệu điều tra của Trung tâm Phát triển nông thôn (RUDEC) năm 2007, thì HTX chỉ đáp ứng 6,9% nhu cầu phân bón và 13,8% nhu cầu giống, trong khi đó các đại lý tư nhân cung cấp tới 59,2% phân bón và 43,1% giống (xem bảng).

Bảng: Nguồn cung cấp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp của các hộ (% hộ điều tra)

Loại vật tư	Nguồn cung cấp			
	HTX	Công ty	Đại lý tư nhân	Tự cung cấp
Giống cây trồng	13,8	7,5	43,1	5,7
Phân bón	6,9	6,9	59,2	2,3
Thuốc BVTV, diệt cỏ	5,7	6,9	55,7	0
Thức ăn chăn nuôi, kể cả thủy sản	0	2,3	20,1	6,3
Giống con, vật nuôi	0	2,9	20,7	5,7
Thuốc thú y	4,0	1,1	17,8	0,6
Các loại đầu vào sản xuất khác	0,6	0	20,1	0

Thực trạng chung của các HTX là, mức vốn hoạt động còn nhỏ, đặc biệt là các HTX trong nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, thương mại. Tỷ lệ vốn cố định ở các HTX rất cao, từ trên 70% đến 95%. Tình trạng này làm cho HTX thường không đủ vốn lưu động để hoạt động, do đó cũng không phát huy được vốn cố định, trong khi vay ngân hàng thì gặp nhiều khó khăn về tài sản thế chấp. Ngược lại, trong lĩnh vực tín dụng thì tỷ trọng vốn cố định rất thấp (chưa đạt 5%), dẫn đến tình trạng chung ở các quỹ tín dụng là cơ sở làm việc rất nghèo nàn, không bảo đảm an toàn cho việc mở rộng hoạt động huy động và cho vay. Tỷ lệ HTX có quan hệ tín dụng với ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác chỉ bằng 11,3% số HTX được thống kê, điều đó cho thấy các HTX chưa phát triển các quan hệ tín dụng với ngân hàng để có thêm vốn phát triển các dịch vụ phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của xã viên.

- Đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt đối với quá trình sản xuất nông nghiệp. Nhưng khó khăn lớn hiện nay là diện tích đất nông nghiệp đang mất vào các khu công nghiệp, khu đô thị và giao thông với tốc độ quá nhanh. Đất trồng lúa nước năm 2005 đã giảm trên 302 ngàn héc-ta so với năm 2000. Theo số liệu thống kê, trong 5 năm qua cả nước đã có khoảng 13% số hộ nông dân bị mất đất, mà lý do chính là bị thu hồi do quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Trong khi đó, nhiều hộ khác tuy đã năng động chuyển đổi ngành nghề, nhưng vẫn không đủ "can đảm" (tính chắc chắn của nghề mới chưa bảo đảm cho các hộ chuyển nghề yên tâm) để nhượng ruộng cho người khác canh tác hay thuê người làm. Phần lớn là giữ đất hay có chăng cũng là cho con cháu làm để vừa đủ mức nộp thuế sử dụng đất. Bởi vậy, tốc độ tích tụ, hoặc dồn điền, đổi thửa diễn ra quá chậm so với nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa. Bên cạnh đó, tình trạng lãng phí sử dụng đất diễn ra khá phổ biến. Tại Nam Định, có địa phương người nông dân muốn trả ruộng thì chính quyền xã không nhận, vì thời hạn giao đất vẫn còn hiệu lực, nếu nhận thì xã không thu được lệ phí. Trong khi đó người dân nơi khác đến canh tác thì khó khăn do chính sách cư trú... Tại huyện Từ Sơn, Bắc Ninh có 10.600 hộ nông dân mất đất, làm cho 21.000 lao động không có việc làm, nhưng diện tích thu hồi lại bỏ hoang, chờ dự án, hoặc chỉ sử dụng khoảng 30%...

- Lề lối làm ăn còn nặng về sản xuất nhỏ, manh mún, chưa thích ứng với kinh tế thị trường. Chữ tín trong làm ăn là rất quan trọng, thế nhưng một số địa phương nông dân sẵn sàng "phá hợp đồng" để được lợi trước mắt do giá thị trường đột ngột lên cao so với hợp đồng, như trong hợp đồng bán hoa hồng cho đối tác Bắc Âu tại Lạng Sơn. Còn chuyện giá cả lên xuống thất thường là quy luật "cung - cầu" của thị trường. Đối với sản xuất nông nghiệp,

tính chất mùa vụ và sự lệ thuộc vào đất đai, tiểu khí hậu rất chặt chẽ, nên khó có thể thành công nếu cứ chạy theo sự "lên - xuống" của thị trường. Thế mà, một số nông dân ở huyện Đông Triều, Quảng Ninh, khi giá vải xuống, thì chặt vải trồng cây sưa (cây lấy gỗ phải mất 50 năm mới cho thu hoạch, mà giá lúc đó chưa ai có thể nói rõ là sẽ như thế nào). Ở một số địa phương phía Nam cũng vậy, thấy giá một số cây trồng khác đang "sốt", thì vội chặt cây điều đang kỳ cho thu hoạch... Trong khi đó, các ngành chức năng thiếu sự tuyên truyền, giải thích hữu hiệu để có định hướng sản xuất đúng và hơn nữa có quy hoạch cây, con một cách khoa học, ổn định lâu dài. Chẳng hạn, nhiều địa phương đã khá thành công trong việc tìm kiếm thị trường "cần những cái mình có", như chè Nghệ An vào thị trường Trung Đông, gạo, hạt tiêu, cà phê... xuất khẩu ra thế giới.

• Quan điểm chung của nhiều nhà hoạch định chính sách ở nước ta hiện nay là làm sao sớm "thoát" khỏi nông nghiệp. Đây là cách hiểu rất thiếu cân, thiếu tính bền vững, đối với một nước phải bảo đảm có nguồn lương thực ổn định cho gần 90 triệu dân trong một vài năm tới như nước ta.

Hơn nữa, cũng phải tính toán đến cả tình huống mới, khi đang có nhiều cảnh báo trên thế giới⁽³⁾ đã nói về một cuộc khủng hoảng mới về lương thực đang xuất hiện và sẽ trở nên nghiêm trọng hơn bất kỳ cuộc khủng hoảng lương thực trước đây thế giới từng chứng kiến. Theo ông Đô-nan Cốc (Donald Coxe), thách thức lớn nhất đối với thế giới không phải là 100 USD/thùng dầu, mà thế giới phải có đủ lương thực cho các tầng lớp trung lưu mới và vì vậy đòi hỏi phải tăng sản lượng lương thực. Chỉ riêng giá lúa mì đã tăng 92% trong năm

2007, và ngày 3-1-2008, giá đóng cửa giao dịch là 9,45 USD cho 8 ga-lông tại sàn buôn bán Chi-ca-gô. Theo nhiều dự báo, trong những tháng tới của năm 2008, giá lương thực vẫn tiếp tục tăng.

Những nước xuất khẩu lương thực trước đây như Nga và Ấn Độ hiện nay đang ngừng xuất khẩu lương thực. Khu vực Trung - Tây của nước Mỹ cung cấp 54% sản lượng ngô của thế giới, nhưng gần đây số lượng lương thực được tích trữ của Mỹ cho những vụ tiếp theo đã tụt xuống mức thấp kỷ lục. Do vậy, những nước dư thừa lương thực sẽ có một lợi thế lớn.

Nếu không đánh giá đúng lợi thế này, không khéo chúng ta đang đánh mất những lợi thế đã có để chạy theo những "lợi thế ảo" mà thế giới đang mạnh hơn ta rất nhiều lần⁽⁴⁾. Trong khi đó, muốn làm cho nền nông nghiệp nước nhà phát triển và hội nhập thành công trên đà của những thành tựu đã đạt được trong hơn 20 năm đổi mới đã qua, không có cách nào khác là phải có thêm những chính sách có tính chất đột phá để tạo động lực mới, thật sự mạnh mẽ cho kinh tế hộ phát triển. Đất nước đang cần có nhiều hộ nông dân làm ăn mang tính chuyên nghiệp hơn, bởi vậy kinh tế hộ đang cần có sự hỗ trợ, hợp lực mang tính cộng đồng chặt chẽ hơn mới hy vọng có được sức mạnh trong cạnh tranh khốc liệt của thương trường trước xu thế hội nhập ngày một sâu hơn của nền kinh tế quốc dân. □

(3) Ông Donald Coxe, nhà chiến lược hàng đầu của Tập đoàn Tài chính BMO đã phát biểu tại câu lạc bộ đầu tư ở thành phố Toronto, Canada

(4) Các xí nghiệp Trung Quốc hiện xuất khẩu 800 triệu chiếc sơ mi mới mỗi chiếc lấy được một máy bay chở khách, xuất khẩu một đầu máy DVD chỉ thu được 1 USD lợi nhuận, mà còn phải nộp cho công ty nước ngoài hơn 4 USD tiền sử hữu bản quyền. Khai thác than ở Tân Phổ Thương (Trung Quốc), đã biến một thành phố hoa quả thành một thành phố ô nhiễm. Còn sản phẩm than thì bán giá rẻ cho Nhật Bản; người Nhật mua để dự trữ cho đời sau